TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2023/HS-ST
Ngày: 17-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diện

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Giản

Ông Đoàn Hồng Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Nam - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 134/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần VănS; sinh năm 1965 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký thường trú: số 15/26 H, phường Ph, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi ở: số 10/26 đường Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn L và bà Lê Thị B; đã ly hôn vợ và có 01 con; tiền án: Bản án số 367/2020/HSST ngày 22-12-2020 của Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chấp hành xong hình phạt tù ngày 20-12-2021); tiền sự: không; nhân thân: ngày 20-7-1983 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", ngày 11-11-1992 Tòa án nhân dân tỉnh Nam Hà xử phạt 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", ngày 20-4-1993 Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 30 tháng tù về tội "Mua bán phụ nữ", tổng hợp với hình phạt của bản án phúc thẩm ngày 11-11-1992, Trần Văn S phải chấp hành hình phạt chung là 39 tháng tù, ngày 14-9-1998 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 36 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản của công dân", ngày 28-6-2001 Công an phường Tr thành phố N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy", ngày 06-9-2003 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi Cơ sở giáo dục bắt buộc

thời hạn 24 tháng, ngày 16-5-2007 Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" (đều đã được xóa án tích và tiền sự); bị bắt, tạm giữ ngày 22-4-2023, chuyển tạm giam ngày 28-4-2023; có mặt.

2. Họ và tên: Vũ Đức T; sinh năm 1995 tại tỉnh Nam Định; nơi thường trú: xóm 5, xã X, huyện X1, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Đức H và bà Hoàng Thị M; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 22-4-2023 đến ngày 28-4-2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1981; nơi cư trú: số 117 đường Đ, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 21-4-2023, Trần VănS một mình điều khiển xe đạp lang thang khu vực phường Tr thành phố N tỉnh Nam Định tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi qua nhà chị Đoàn Thị L, S phát hiện ngôi nhà này đang mở cửa, trên bàn trong phòng khách có 01 chiếc điện thoại Iphone màu trắng (có ốp lưng bằng nhựa) không có người trông coi.S dựng xe đạp trước cửa, đi vào nhà chị Liễu lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần rồi điều khiển xe đạp mang về nhà cất giấu.

Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 22-4-2023,S mang chiếc điện thoại đến cửa hàng điện thoại Minstore tại địa chỉ 111 Trần Thái Tông phường Lộc Vượng thành phố N tỉnh Nam Định. Lúc này trời chưa sáng, cửa hàng chưa mở cửa, chỉ có Vũ Đức T là nhân viên cửa hàng đang ngủ bên trong S gọi cửa, đưa cho T xem chiếc điện thoại. T quan sát được đây là chiếc điện thoại Iphone 13 Promax màu trắng bị khóa màn hình, hình nền để ảnh một bé trai.S nói muốn bán điện thoại nhưng không biết mật khẩu, không biết rõ đời máy, không nói nguồn gốc của máy nên T chỉ mua với giá là 1.700.000 đồng.S đồng ý bán, số tiền bán máy S đã chi tiêu cá nhân một phần, còn lại 1.666.000 đồng.

Sau khi mua chiếc điện thoại trên, Vũ Đức T không thông báo cho chủ cửa hàng và nhập thử mật khẩu màn hình là "000000" thì mở được điện thoại. T xóa dữ liệu trong máy, đăng xuất tài khoản Icloud, rồi vứt sim điện thoại, ốp lưng xuống hồ Truyền Thống, thành phố N.

Ngày 21-4-2023, chị Đoàn Thị Liễu có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N và giao nộp đoạn video từ camera của gia đình ghi lại diễn biến sự việc. Ngày 22-4-2023, tại Cơ quan điều tra Trần VănS đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, giao nộp số tiền 1.666.000 đồng (tiền bán chiếc điện thoại) và bộ trang phục cùng chiếc xe đạp sử dụng khi trộm cắp tài sản. Cùng ngày, Vũ Đức T đã đầu thú, tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại Iphone 13 Promax. T khai nhậnS bán điện thoại vào lúc rạng sáng S không mở được mật

khẩu, không biết chính xác nhãn hiệu và đời máy nên T nhận thức được đây là tài sản do phạm tội mà có nên đã ép giá, mua rẻ hơn nhiều so với giá trị thực. Sau khi mua xong T đăng xuất tài khoản của chủ máy để tránh định vị rồi vứt sim, ốp điện thoại xuống hồ Truyền Thống để tránh bị phát hiện.

Bản Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 26-4-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N kết luận: chiếc điện thoại là vật chứng của vụ án trị giá 17.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho chị Đoàn Thị L. Đối với chiếc ốp điện thoại không thu hồi được, đã cũ không còn giá trị nên chị L không yêu cầu bồi thường, ngoài ra không còn đề nghị khác.

Bản Cáo trạng số 154/CT-VKS ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Trần VănS về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố Vũ Đức T về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, các bị cáo Trần VănS và Vũ Đức T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Trần VănS phạm tội "Trộm cắp tài sản"; xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 27 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo Vũ Đức T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn S, Vũ Đức T và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ lời khai của các bị cáo Trần VănS và Vũ Đức T, lời khai của bị hại, Kết luận định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 21-4-2023, tại nhà số 117 đường Đ phường M thành phố N tỉnh Nam Định, Trần VănS đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Đoàn Thị L 01 chiếc điện thoại Iphone 13 Promax trị giá 17.000.000 đồng. Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 22-4-2023, tại cửa hàng điện thoại địa chỉ 111 Tr phường L thành phố N, tỉnh Nam Định, bị cáo Vũ Đức T mặc dù không hứa hẹn trước và biết rõ chiếc điện thoại Iphone 13 Promax do bị cáo Trần VănS phạm tội mà có nhưng vẫn mua với mục đích để bán kiếm lời. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự; hành vi của bị cáo Trần VănS đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ, hành vi của bị cáo Vũ Đức T đã xâm phạm trật tự công cộng; lỗi của các bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo Trần VănS đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Vũ Đức T đã phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội. Bị cáo Trần Văn S có nhân thân xấu, đã 05 lần bị kết án (đã được xóa án tích), 01 lần bị phạt vi phạm hành chính và 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính (đã được xóa tiền sự). Bị cáo Trần VănS đã bị kết án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017). Bị cáo Vũ Đức T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội; do đó các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với bị cáo Vũ Đức T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" và tình tiết giảm nhẹ sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Trần Văn S là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đối với bị cáo Vũ Đức T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; do đó, căn cứ quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo và ấn định thời gian thử

thách đối với bị cáo cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Số tiền 1.666.000 đồng là tài sản do bị cáo S phạm tội mà có; do đó tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước. 01 áo phông ngắn tay, 01 quần ngố kaki, 01 mũ lưỡi trai màu ghi, 01 đôi giầy da tối màu, 01 xe đạp mini, 01 điện thoại di động Masstel thu giữ của bị cáo Trần Văn S là tài sản của bị cáo, xét không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án. Đối với số tiền 34.000 đồng do bị cáo Trần Văn S phạm tội mà có, cần buộc bị cáo nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về vấn đề dân sự: Bị hại là chị Đoàn Thị L đã nhận lại tài sản và không đề nghị giải quyết vấn đề dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Các bị cáo Trần Văn S và Vũ Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần VănS; khoản 1 Điều 323, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Vũ Đức T; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo Vũ Đức T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo Trần VănS 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 22-4-2023.

Xử phạt bị cáo Vũ Đức T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Phương huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 22-4-2023 đến ngày 28-4-2023).

Trong trường hợp bị cáo Vũ Đức T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử

thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo Trần VănS nộp lại số tiền 34.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.666.000 đồng đã thu giữ của bị cáo Trần VănS; trả lại bị cáo Trần Văn S 01 áo phông, 01 quần, 01 mũ lưỡi trai, 01 đôi giầy da; 01 xe đạp mini màu xanh, 01 điện thoại di động Masstel (được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS3:1906645) nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án (chi tiết vật chứng ghi trong biên bản giao nhận vật chứng).

3. Án phí: Các bị cáo Trần Văn S và Vũ Đức T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn S, Vũ Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là chị Đoàn Thị Liễu được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo Trần Văn S, Vũ Đức T có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người TGTT;
- VKSND tp. Nam Định (02 bản);
- TAND tỉnh Nam Định;
- Công an tp. Nam Định;
- Chi cục THADS tp. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diện